

Số: 326/2025/ CBTT-CBS

Cao Bằng, ngày 29 tháng 09 năm 2025

V/v: Công bố Báo cáo thường niên
năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Quý Cổ đông Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng

I. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Mã chứng khoán: CBS

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng

Điện thoại liên hệ: 0206 3 824121 Số Fax: 0206 3 824113

E-mail: caobangsugar@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nông Văn Thuyết

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

II. Nội dung thông tin công bố:

Công bố BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 (kỳ hoạt động từ tháng 07/2024 đến hết tháng 06/2025) của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty vào ngày 29/09/2025 tại đường dẫn: <http://www.miaduongcaobang.vn>

Chúng tôi cam kết, các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên số 325/2025/BCTN-CBS ngày 29/09/2025.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đăng website;
- Lưu Vt.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nông Văn Thuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Đơn vị: Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng

Địa chỉ : Tổ dân phố Đoàn kết, xã Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng

Điện thoại : 0206 3824121

Fax : 0206 3824113

Website : www.miaduongcaobang.vn

Email : caobangsugar@gmail.com

Tháng 9 năm 2025

MỤC LỤC

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro ảnh hưởng

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức nhân sự
3. Tình hình đầu tư dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động công ty

1. Về các mặt hoạt động
2. Về hoạt động của Ban tổng giám đốc
3. Kế hoạch định hướng

V. Quản trị công ty

VI. Báo cáo tài chính

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Năm tài chính: Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát .

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1103000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 14/03/2006 đến nay đã được thay đổi lần thứ 08: mã số doanh nghiệp 4800104012 ngày 12/06/2025 do Phòng ĐKKD- Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng cấp.
- Vốn điều lệ : 52.918.680.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 52.918.680.000 đồng
- Địa chỉ : Tổ dân phố Đoàn kết, xã Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
- Số điện thoại : 026 3824121 ; Số Fax : 026 3824113
- Website : www.miaduongcaobang.vn
- Mã cổ phiếu: CBS

2. Quá trình hình thành và phát triển .

- Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty mía đường Cao Bằng được khởi công xây dựng theo Quyết định số 292/UB-QĐ ngày 16/04/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Đến tháng 12/1997 nhà máy được hoàn thành và đi vào vụ sản xuất đầu tiên với công suất thiết kế là 700 tấn mía/ ngày.
- Ngày 08/07/1996 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao bằng ban hành Quyết định số 584/UB-QĐ-DN về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty mía đường Cao Bằng.
- Giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2005: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, vùng nguyên liệu phát triển chưa ổn định không cung cấp đủ nguyên liệu mía cho sản xuất, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ triền miên, Công ty có nguy cơ bị phá sản, đây cũng là tình hình chung của các công ty sản xuất

mía đường trong nước. Trước những khó khăn chung của ngành sản xuất mía đường, để tháo gỡ khó khăn Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/03/2004 về việc tổ chức lại sản xuất và thực hiện một số giải pháp xử lý khó khăn đối với các nhà máy và công ty đường.

- Thực hiện Quyết định 28 của Chính phủ, các khó khăn lớn về tài chính của Công ty mía đường Cao Bằng đã được giải quyết, Công ty đã được chính phủ cho phép xóa nợ thuế, nợ lãi tiền vay ngân hàng, nợ phí bảo lãnh nhập khẩu thiết bị, được cấp bù chênh lệch tỷ giá, được gia hạn trả nợ vốn vay đầu tư xây dựng Nhà máy, được bổ sung mở rộng vùng nguyên liệu mía và được sắp xếp chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần.
- Ngày 19/12/2005 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định số 3560/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty mía đường Cao Bằng thành công ty cổ phần. Ngày 20/01/2006 Đại hội đồng cổ đông sáng lập công ty được tổ chức, Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 1103000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Cao Bằng cấp ngày 14/03/2006 với số vốn điều lệ ban đầu là 3.638.960.000 đồng.
- Giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2009: Sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần, công ty vẫn gặp nhiều khó khăn, sản xuất kinh doanh chưa hiệu quả do năng lực về tài chính còn yếu; thị trường tiêu thụ chưa ổn định; giá bán đường thấp; công suất của dây truyền sản xuất đường chưa được nâng cấp cải tạo dẫn đến thời gian vụ sản xuất kéo dài (vụ ép 2007-2008 kéo dài đến tháng 6/2008) sản xuất không hiệu quả.
- Trước những khó khăn thách thức mới, Ban lãnh đạo Công ty đã lựa chọn giải pháp đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất chế biến đường nhằm rút ngắn thời gian sản xuất, tăng hiệu suất thu hồi, giảm chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm. Năm 2010 Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt dự án đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất đường từ 700 tấn mía/ ngày lên 1.800 tấn mía/ ngày, dự kiến hoàn thành trong năm 2014. Kết quả thực hiện, sau khi được đầu tư nâng cấp đến vụ sản xuất 2012-2013 công suất ép thực tế đạt 1.600 tấn mía/ ngày, các vụ sản xuất tiếp theo công suất ép thực tế đều đạt 1.700 tấn mía/ ngày, dây truyền sản xuất ổn định đáp ứng được yêu cầu đề ra, sản xuất kinh doanh của Công ty từng bước được ổn định, hiệu quả.
- Công ty đã trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 1943/UBCK-QLPH ngày 01/6/2012 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường UPCOM kể từ ngày 20/06/2017.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

a. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất đường kính từ cây mía;

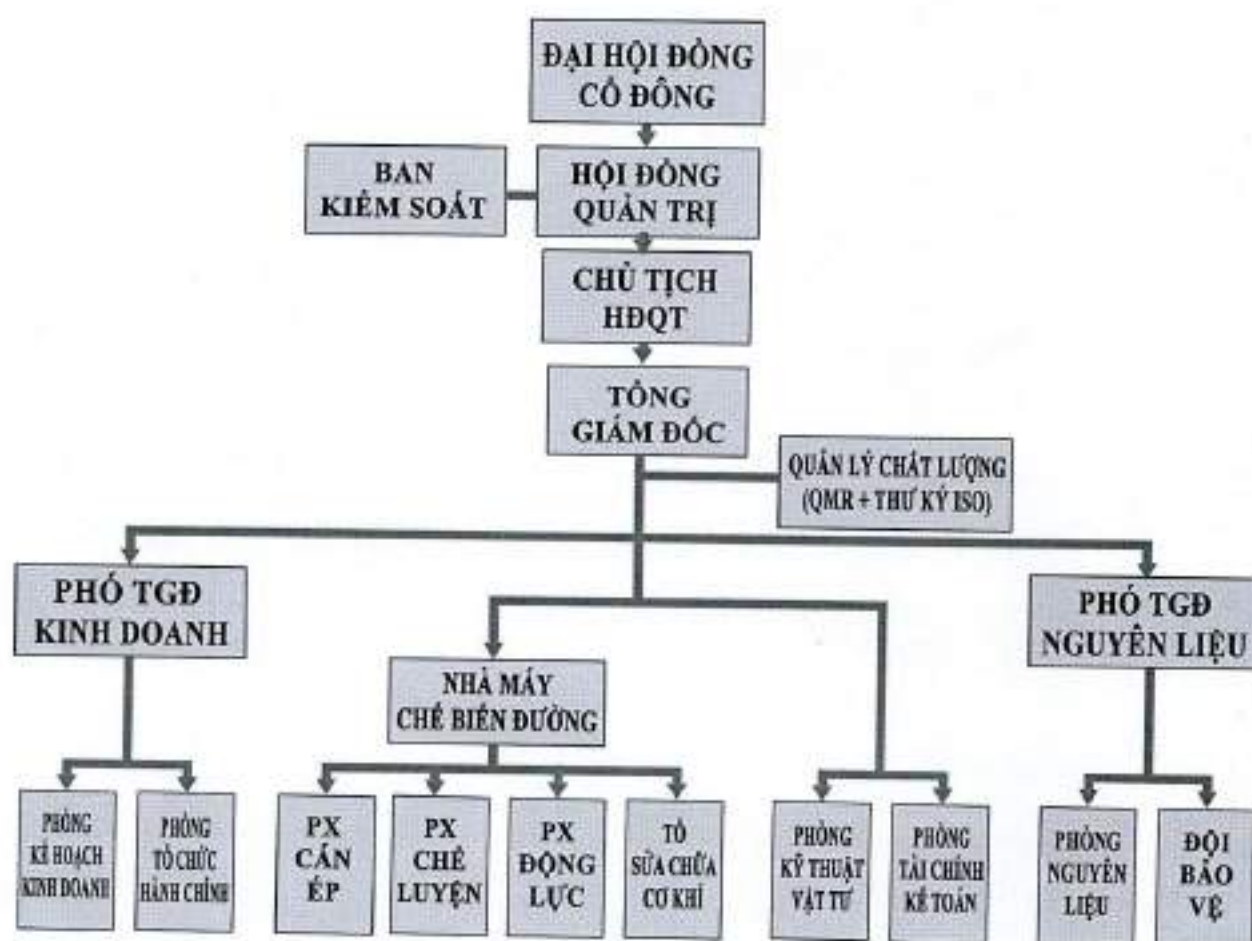
b. Địa bàn kinh doanh:

- Vùng nguyên liệu mía: Gồm 9 xã sau sáp nhập (trên địa bàn Huyện Quảng Hòa, Huyện Thạch An của Tỉnh Cao Bằng trước sáp nhập).
- Địa bàn tiêu thụ: Địa bàn tiêu thụ chính trong hai năm gần nhất là các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thái Nguyên, Cao Bằng và các tỉnh lân cận.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .

- Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý .

Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty:



Công ty con, công ty liên kết: Không có .

5. Định hướng phát triển :

- **Mục tiêu chủ yếu :**

Phát triển Công ty thành một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề trên cơ sở phát huy tối ưu ngành chế biến mía đường, từng bước phát triển vững chắc các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, dịch vụ nhằm tăng nhanh quy mô và hiệu quả kinh doanh đưa công ty thành một doanh nghiệp mạnh trên địa bàn Tỉnh Cao Bằng.

- **Kế hoạch phát triển :**

Trong những năm tiếp theo, Công ty tiếp tục tập trung mọi nguồn lực cho phát triển lĩnh vực SXKD cốt lõi - Sản xuất mía đường :

- Xây dựng vùng nguyên liệu mía:

+ Diện tích mía nguyên liệu: Đạt từ 2.000^{ha} trở lên trong vùng nguyên liệu được Ủy ban nhân Tỉnh Cao Bằng phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 58/QĐ-UB ngày 15/01/2002 và Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 tổng diện tích mía theo quy hoạch là 4.200^{ha} thuộc 9 xã sau sáp nhập (trên địa bàn Huyện Quảng Hòa, Huyện Thạch An của Tỉnh Cao Bằng trước sáp nhập).

+ Năng suất mía bình quân: Đạt từ 60 tấn/ ha.

+ Sản lượng mía đưa vào sản xuất đường: Đạt từ 120.000 tấn/ 1 vụ sản xuất.

- Sản xuất sản phẩm đường: Tiếp tục sản xuất sản phẩm đường RS (đường kính trắng và đường kính vàng).

+ Công suất chế biến bình quân: Từ 1.700 -> 1.800 tấn mía/ ngày.

+ Tỷ lệ mía/ đường: Từ 9,0 trở xuống.

+ Sản lượng đường SX hoàn thành: Đạt từ 13.000 tấn trở lên.

6. Các rủi ro :

*** Thế giới:**

- Tình hình kinh tế chính trị thế giới diễn biến phức tạp, khó lường khi chiến tranh giữa Nga – Ucraina, Iran – Israel leo thang kéo dài. Vấn đề lạm phát, lãi suất, tỷ giá ngoại tệ luôn thách thức các nền kinh tế, ảnh hưởng lớn đến giá cả nguyên nhiên vật liệu.

- Thị trường đường thế giới vụ 2024-2025 giá cả không ổn định biên độ giá dao động lớn. Trong niên vụ, giá đường thô thế giới đạt mức cao nhất trong tháng 9/2024 với mức 23,68 USD cent / lb và sau đó giảm liên tục xuống mức 15,45 USD cent / lb tháng 7/2025 (giảm 34%)

*** Trong nước:**

- Thị trường nội địa Việt Nam tiếp tục chịu sức ép bởi nguồn cung dư thừa, tiêu thụ suy giảm. Gian lận thương mại và buôn lậu đường vẫn diễn biến phức tạp, chưa có biện pháp hữu hiệu để quản lý.

- Từ ngày 01/07/2025, Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn; chịu mức thuế tăng từ 5% lên 10% gây áp lực lớn đến doanh thu và lợi nhuận của các công ty sản xuất mía đường (theo khoản 3 điều 9 luật thuế GTGT 2024).

*** Công ty:**

Thách thức lớn nhất là vấn đề tư thương cạnh tranh thu mua mía nguyên liệu để xuất khẩu sang Trung Quốc (qua Cửa khẩu Tà Lùng, tỉnh Cao Bằng), do vùng nguyên liệu mía của công

ty nằm sát biên giới giáp với vùng sản xuất mía đường lớn của Huyện Long, Trung Quốc. Tỷ giá CNY/VND ngày càng biến động tăng, tạo thuận lợi cho tư thương trong việc xuất khẩu mía nguyên liệu.

7. Cơ hội:

Cây mía đã trở thành cây trồng chủ lực đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn hẳn các loại cây trồng khác. Người dân trong vùng nguyên liệu mía của Công ty vẫn duy trì dành phần lớn diện tích đất để trồng mía, việc trồng và chăm sóc cây mía đã hình thành thói quen trong tư duy phát triển nông nghiệp của người nông dân. Điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu trong vùng nguyên liệu rất phù hợp với cây mía, luôn cho năng suất và chất lượng (hàm lượng CCS) cao.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- *Kết quả hoạt động kinh doanh từ tháng 7/2024 đến hết tháng 6/2025:*

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2023 (từ T7/2023 đến hết T6/2024)	Năm 2024 (từ T7/2024 đến hết T6/2025)		So sánh (%) số TH năm 2024 với:	
				Số kế hoạch	Số thực hiện	KH năm 2024	TH năm 2023
1	Sản lượng mía nguyên liệu	tấn	122,522	125,000	113,631	90.90	92.74
2	Sản lượng đường sản xuất	tấn	13,104	13,440	12,906	96.03	98.49
3	Sản lượng đường tiêu thụ	tấn	11,788	13,400	14,167	105.72	120.18
4	Doanh thu thuần	tr.đồng	243,679	256,310	265,070	103.42	108.78
5	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	52,833	34,265	33,984	99.18	64.32
6	Nộp ngân sách Nhà nước	tr.đồng	13,408	11,500	12,252	106.54	91.38
7	Vốn điều lệ	tr.đồng	52,918	52,918	52,918	100.00	100.00
8	Vốn chủ sở hữu	tr.đồng	246,954	246,954	258,459	104.66	104.66

- *Thành tích đạt được :*

Công ty tổ chức tốt sản xuất; thu mua hết mía nguyên liệu cho các nông hộ, thanh toán tiền mía đầy đủ kịp thời (tỷ lệ thanh toán tiền mía cho các nông hộ qua tài khoản ngân hàng đạt trên 99 %). Tổng sản lượng mía đã thu mua là 133.630 tấn.

Duy trì công suất ép bình quân đạt trên 1.600 tấn mía ngày, thời gian sản xuất vụ 2024-2025 đúng kế hoạch.

▪ **Tồn tại hạn chế của vụ sản xuất 2024-2025:**

- Tình trạng tư thương tranh mua mía trong vùng nguyên liệu để xuất khẩu ngày càng nhiều, diễn biến phức tạp, công ty chưa có giải pháp hữu hiệu để giải quyết vấn đề này. Ước tính sản lượng mía bị tranh mua khoảng 50.000 tấn.

- Vùng nguyên liệu bị thu hẹp, diện tích trồng mới không đạt kế hoạch tuy giá thu mua mía tiếp tục được tăng lên (giá mua mía nguyên liệu của công ty luôn nằm trong top đầu các công ty cùng SX mía đường trong nước).

- Tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa trong khâu trồng, chăm sóc mía còn thấp.

- Nguồn lao động trẻ ở vùng nông thôn ngày càng ít, thiếu nhân lực cho sản xuất mía nguyên liệu.

- Giá bán đường của Công ty luôn thấp hơn các công ty khác trong khu vực.

*** Nguyên nhân:**

- Nhiều hộ dân trồng mía nhưng không thống kê diện tích, hoặc công khai một phần diện tích với mục đích, dành một phần diện tích mía bán cho tư thương.

- Điều kiện kinh tế địa phương khó khăn, đất trồng mía manh mún, hộ trồng cá thể nên việc đầu tư và cơ giới hóa còn nhiều hạn chế. Các nông hộ thiếu nhân lực cho SX mía (do lực lượng lao động trẻ đi lao động tại các khu công nghiệp).

- Do Nhà máy SX của Công ty tại bản KTXH khó khăn, giao thông không thuận tiện, khoảng cách vận chuyển sản phẩm tiêu thụ xa, chi phí vận chuyển cao, tạo nên sự chênh lệch giá bán so với mặt bằng chung.

2. Tổ chức nhân sự.

Năm tài chính 2024-2025 Công ty có thay đổi về thành viên trong Ban Tổng giám đốc: Từ ngày 01/05/2025 miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc đối với Ông Ma Trung Lập; miễn nhiệm chức danh Phó TGD đối với Bà Nông Thị Nậu. Lý do: nghỉ hưu theo chế độ.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ bãi nhiệm
1. Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/04/2021
2. Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 01/04/2021; từ ngày 01/04/2021 là TV HĐQT
3. Ông Ma Trung Lập	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020
5. Ông Nông Văn Sơn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/10/2020
6. Bà Mã Thị Quyết	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020

Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1. Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng Ban	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020
2. Ông Trương Minh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020
3. Ông Đinh Bế Đình	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020

Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ bãi nhiệm
1. Ông Ma Trung Lập	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/05/2025
2. Ông Nông Thị Nậu	Phó tổng giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/05/2025
3. Ông Nông Văn Sơn	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 05/04/2022
4. Bà Mã Thị Quyết	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2006
5. Ông Nông Văn Trình	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/09/2025

Tóm tắt lý lịch cá nhân của các thành viên HĐQT, BKS và ban điều hành:

2.1. Thành viên Hội đồng quản trị:**2.1.1. Ông Nông Văn Thuyết – Thành viên viên HĐQT; Chủ tịch HĐQT từ 01/04/2021**

Họ và tên	NÔNG VĂN THUYẾT
Số CCCD	004084009921 cấp ngày 15/09/2022 tại Cục CS QL về TTXH
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/ 07/ 1984
Nơi sinh	Xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú (sau sáp nhập)	Tổ dân phố Phia Khoang, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824150
Trình độ văn hoá	12/12

Trình độ chuyên môn	Cử nhân cơ giới hóa lâm nghiệp
Quá trình công tác	
09/2009 → 11/2019	Cán bộ Phòng Kỹ thuật, Công ty CP Mía đường Cao Bằng
12/2019 → 07/2020	Trưởng phòng kỹ thuật, Công ty CP Mía đường Cao Bằng
08/2020 → 03/2021	Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật, Công ty CP Mía đường Cao Bằng
04/2021 → nay	Chủ tịch HĐQT, Công ty CP Mía đường Cao Bằng.
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGĐ	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS	2,48% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS của những người liên quan	0,22% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.2 Ông Nông Văn Lạc - Chủ tịch HĐQT đến 31/03/2021; là thành viên HĐQT từ ngày 01/04/2021.

Họ và tên	NÔNG VĂN LẠC
Số CCCD	004061004468 cấp ngày 16/09/2022 tại Cục CS QL về TTXH
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	22/02/1961
Nơi sinh	Xã Chí Viễn, Huyện Trùng Khánh, Tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Chí Viễn, Huyện Trùng Khánh, Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú (sau sáp nhập)	SN 19-21, ngõ 104 đường Hiến Giang, Tổ 9 Hợp Giang, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3 824160

Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế. Cao cấp lý luận chính trị
Quá trình công tác	
04/1985 → 11/1985	Nhân viên kế toán Sở Thương nghiệp Cao Bằng
12/1985 → 09/1987	Nhân viên kế toán tổng hợp Công ty thực phẩm nông sản Cao Bằng
10/1987 → 03/1993	Phó phòng kế toán Công ty thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
04/1994 → 08/1996	Phó giám đốc Công ty thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
09/1996 → 09/2000	Trưởng phòng kế toán Công ty mía đường Cao Bằng
10/2000 → 08/2004	Phó giám đốc công ty mía đường Cao Bằng
09/2004 → 12/2005	Giám đốc công ty mía đường Cao Bằng
01/2006 → 06/2011	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
07/2011 → 07/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD công ty CP mía đường Cao Bằng
08/2020 → 03/2021	Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Cao Bằng
04/2021 → nay	Thành viên HĐQT Công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên HĐQT.
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS	0,75% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS của những người liên quan	50,11 % vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.3 Ông Ma Trung Lập – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	MA TRUNG LẬP
Số CCCD	004064000629 cấp ngày 13/04/2021 tại Cục CS QL về TTXH
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	02/06/1964
Nơi sinh	TT.Hòa Thuận, H. Quảng Hòa, T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Tày
Quê quán	TT.Hòa Thuận, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú (sau sáp nhập)	Tổ dân phố 8, xã Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân cơ điện
Quá trình công tác	
05/1995 → 02/1996	Cán bộ kỹ thuật Nhà máy xi măng Cao Bằng
03/1996 → 07/1997	Phó quản đốc PX nhà máy xi măng Cao Bằng
08/1997 → 12/1997	Cán bộ kỹ thuật Công ty mía đường Cao Bằng
01/1998 → 03/1998	Phó quản đốc PX cán thép công ty mía đường Cao Bằng
04/1998 → 10/2000	Quyển QĐ PX sửa chữa cơ điện công ty mía đường Cao Bằng
11/2000 → 07/2003	Phó phòng kỹ thuật công ty mía đường Cao Bằng
08/2003 → 10/2004	Trưởng phòng kỹ thuật công ty mía đường Cao Bằng
11/2004 → 12/2005	Phó giám đốc Công ty Mía đường Cao Bằng
01/2006 → 06/2011	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty CP Mía đường Cao Bằng
07/2011 → 07/2020	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
08/2020 → 30/04/2025	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Phó chủ tịch HĐQT
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS	0,01% Vốn Điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS của những người liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.4 Bà Mã Thị Quyết - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên	MÃ THỊ QUYẾT
Số CCCD	004173005833 cấp ngày 17/12/2021 tại Cục CS QL về TTXH
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	01/ 10/ 1973
Nơi sinh	Xã Hoàng Tung, Huyện Hòa An, Tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Hoàng Tung, Huyện Hòa An, Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú (sau sáp nhập)	Tổ dân phố Hưng Long, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3 824130
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
Quá trình công tác	
12/1997 → 03/1998	NV kế toán công ty mía đường Cao Bằng
04/1998 → 10/2000	Phó phòng kế toán công ty mía đường Cao Bằng
11/2000 → 12/2002	Quyền TP kế toán công ty mía đường Cao Bằng
01/2003 → 09/2006	TP kế toán công ty mía đường Cao Bằng
10/2006 → nay	Kế toán trưởng công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng công ty
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS	1,46% Vốn Điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS của những người liên quan	0,09% vốn điều lệ.

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.5. Ông Nông Văn Sơn – Thành viên viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc từ 05/04/2022

Họ và tên	NÔNG VĂN SƠN
Số CCCD	004096000011; cấp ngày 26/04/2022 tại Cục CS QL về TTXH
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	24/10/1996.
Nơi sinh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú (sau sáp nhập)	SN 19-21, ngõ 104 đường hiến Giang, Tổ 9 Hợp Giang, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	0206 3 824174
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
12/2018 → 12/2020	Trợ lý kiểm toán tại Công ty TNHH TV thuế, kế toán và kiểm toán AVINA - IAFC
01/2021 → 04/2022	Nhân viên Phòng Kế hoạch kinh doanh, Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng.
04/2022→ nay	Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS	45,97 % vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS của những người liên quan	4,72 % vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.2. Thành viên ban kiểm soát:

2.2.1 Bà Hoàng Thị Quyết - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	HOÀNG THỊ QUYẾT
Số CCCD	004174000855 cấp ngày 13/04/2021 tại Cục CS QL về TTXH
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	01/ 10/ 1974
Nơi sinh	Xã Nam Tuấn, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Nam Tuấn, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú (sau sắp nhập)	Tổ dân phố Phia Khoang, xã Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
06/1996 → 12/1996	Nhân viên công ty Thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
01/1997 → 05/2006	Nhân viên công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
06/2006 → 10/2015	Phó phòng Tài chính kế toán công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2015 → nay	Trưởng ban kiểm soát công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Trưởng Ban kiểm soát công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện tại tại	Không

TC khác	
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS	0,05% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS của những người liên quan	0,03% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.2.2. Ông Trương Minh Đức – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	TRƯƠNG MINH ĐỨC
Số CCCD	004078003411 cấp ngày 11/08/2021 tại Cục CS QL về TTXH
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	12/ 02/ 1978
Nơi sinh	Xã Vân Sơn, huyện Thiệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Vân Sơn, huyện Thiệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú (sau sáp nhập)	Tổ 1, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện tự động hóa công nghiệp
Quá trình công tác	
11/1999 – 12/2000	Công nhân vận hành Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
01/2001 – 10/2011	Công nhân sửa chữa điện Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2011 – 10/2013	Kỹ thuật viên xưởng Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2013 – 09/2014	Nhân viên phòng kỹ thuật Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
10/2014 – đến nay	Quản đốc phân xưởng Động Lực công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên BKS Công ty CP Mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã	0,02% vốn điều lệ.

CBS	
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.2.3. Ông Đinh Bé Đính – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	ĐINH BÉ ĐÍNH
Số CCCD	004082000704 cấp ngày 13/04/2021 tại Cục CS QL về TTXH
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	14/ 11/ 1982
Nơi sinh	Xã Mỹ Hưng, H. Quảng Hòa, T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Mỹ Hưng, H. Quảng Hòa, T. Cao Bằng
Địa chỉ thường trú (sau sáp nhập)	Xóm Tục Mỹ, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ điện
Quá trình công tác:	
08/2007 – 09/2011	Cán bộ kỹ thuật + Phó quản đốc Xưởng Đường công ty CP mía đường Cao Bằng
10/2011 – đến nay	Quản đốc PX Cán Ép công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên BKS công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS	0,007% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã	0 % Vốn điều lệ

CBS của những người liên quan	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.3. Thành viên ban Tổng Giám đốc

2.3.1. Ông Ma Trung Lập (Sơ yếu lý lịch trình bày tại mục 2.1.3 - Hội đồng quản trị)

2.3.2. Ông Nông Văn Sơn (Sơ yếu lý lịch trình bày tại mục 2.1.5 - Hội đồng quản trị)

2.3.3. Bà Nông Thị Nậu – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	NÔNG THỊ NẬU
Số CCCD	004168001623 cấp ngày 24/04/2021 tại Cục CS QL về TTXH
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	22/ 12/ 1968
Nơi sinh	X. Hồng Định, H.Quảng Hòa, T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Hồng Định, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú (sau sáp nhập)	Xã Hạnh Phúc, Tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824487
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư nông nghiệp
Quá trình công tác	
10/1997 – 12/1997	Công nhân công nghệ đường công ty mía đường Cao Bằng
01/1998 – 10/1998	Phó Quản đốc PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
11/1998 – 12/2000	Quyền QĐ PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
01/2001 – 07/2003	Quản đốc PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
08/2003 – 11/2010	Trưởng phòng nguyên liệu mía công ty CP mía đường Cao Bằng

12/2010 – 06/2011	Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
07/2011 – 10/2015	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
11/2015 - 30/04/2025	Phó tổng giám đốc Công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Không
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS	chiếm 0,28 % vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS của những người liên quan	0 % vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.3.4. Ông Nông Văn Trình – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	NÔNG VĂN TRÌNH
CCCD	004087009196 cấp ngày 27/06/2021 tại Cục CS QL về TTXH
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	04/02/1987
Nơi sinh	Xóm Thanh Lâm - Xã Đàm Thủy - tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xóm Thanh Lâm - Xã Đàm Thủy - tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Xóm Thanh Lâm - Xã Đàm Thủy - tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	0206 3 824 110
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ

Quá trình công tác:	
Từ tháng 11/2009 đến tháng 10/2010	Nhân viên Sale promotor tại Công ty hạt giống cây trồng nông nghiệp Syngenta Việt Nam
Từ tháng 11/2010 Đến tháng 9/2011	Dự báo viên bảo vệ thực vật tại trạm Thạch An, Chi cục Bảo vệ thực vật Cao Bằng
Từ tháng 10/2011 - 4/2013	Học thạc sỹ tại Học viện nông nghiệp Việt Nam
Từ tháng 5/2013 đến tháng 6/2014	Nhân viên Sale tại Công ty hạt giống rau Hai mũi tên đỏ East West Seed Việt Nam
Từ 1/7/2014 - 30/11/2017	Nhân viên Phòng nguyên liệu mía C.ty CP mía đường Cao Bằng
Từ 1/12/2017 - 30/6/2023	Phó Phòng nguyên liệu mía Công ty CP mía đường Cao Bằng
Từ 1/7/2023 - 31/8/2025	Trưởng Phòng nguyên liệu mía Công ty CP mía đường Cao Bằng
Từ ngày 1/9/2025 → nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Phó Tổng giám đốc phụ trách vùng nguyên liệu mía
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không có
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS	0,1% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán mã CBS của những người liên quan	2,6% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.4. Kế toán trưởng: Bà Mã Thị Quyết – Kế toán trưởng

(Sơ yếu lý lịch của Kế toán trưởng đã được trình bày tại mục 2.1.4 - Hội đồng Quản trị)

2.5. Cơ cấu lao động của Công ty:

Cơ cấu lao động ngày 30/06/2025

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
-----	----------	------------------	-----------

1	Đại học trở lên	22	7,91
2	Cao đẳng, trung cấp, công nhân kỹ thuật	231	83,09
3	Lao động phổ thông	25	9,00
Tổng cộng		278	100

Thu nhập của người lao động

	Niên độ 2022 - 2023	Niên độ 2023 - 2024	Niên độ 2024 - 2025
Mức lương bình quân	7.740.000 đồng/người/tháng	7.891.000 đồng/người/tháng	9.019.000 đồng/người/tháng

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

Dây truyền sản xuất chế biến đường được bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, đáp ứng ứng được yêu cầu sản xuất. Trong năm chi phí đầu tư như sau:

Hạng mục đầu tư	Khối lượng	Giá trị đầu tư (Tr.đồng)
1. Hệ thống xử lý nước thải	1 Hệ thống	10,096
2. Hệ thống tuần hoàn nước làm mát	1 Hệ thống	5,567
3. Hệ thống thiết bị quan trắc tự động nước thải	1 Hệ thống	383
4. Nồi bốc hơi TWX 325, KT fi 2500mmx9300mm	2 cái	4,558
5. Nồi gia nhiệt TLG120, KT fi 1300mmx4230mm	1 cái	756
6. Các thiết bị khác		4,042
Cộng		25,402

Tổng vốn đầu tư trong năm là 25.402 ^{tr.đồng}. Trong đó: Giá trị đầu tư XDCB hoàn thành ghi tăng TSCĐ là 7,245 ^{tr.đồng}; Giá trị mua sắm thiết bị hình thành TSCĐ là 18.157 ^{tr.đồng}. Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có.

4. Tình hình tài chính:

a> Tình hình tài chính

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2023 (từ T7/2023 -> hết T6/2024)	Năm 2024 (từ T7/2024 -> hết T6/2025)	% tăng, giảm
-----	----------	-----	---	---	-----------------

1	Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	270,061	278,748	(+) 3.22
2	Doanh thu thuần	Tr. đồng	243,679	265,070	(+) 8.78
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	53,730	34,730	(-) 35.36
4	Lợi nhuận khác	Tr. đồng	108	188	(+) 74.07
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr. đồng	53,838	34,918	(-) 35.14
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	52,833	33,984	(-) 35.68
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	30	30	0

b> Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2023 (từ T7/2023 -> hết T6/2024)	Năm 2024 (từ T7/2024 -> hết T6/2025)	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	9,43 lần	10,25 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	6,9 lần	8,48 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	8,56%	7,28%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	9,36%	7,85%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	3,75 vòng	4,67 vòng	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	90,23%	95,09%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	21,68%	12,82%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	21,39%	13,15%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	19,56%	12,19%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	22,05%	13,10%	

Các chỉ tiêu	Năm 2023 (từ T7/2023 -> hết T6/2024)	Năm 2024 (từ T7/2024 -> hết T6/2025)	Ghi chú

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .

a> Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 5,291,868 cổ phần
- Loại CP đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số lượng CP chuyển nhượng tự do: 5,291,868 cổ phần
- Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: Không

b> Cơ cấu cổ đông (Danh sách cổ đông chốt tại ngày 09/09/2025):

Tổng số cổ đông: 617 Cổ đông, số CP: 5.291.868, tỷ lệ sở hữu 100%, trong đó:

- Cổ đông lớn: 01 Cổ đông, trong đó:
 - + Cổ đông lớn là cá nhân: Ông Nông Văn Sơn, số cổ phần nắm giữ là 2.432.941 CP, tỷ lệ sở hữu 45,97%.
 - + Cổ đông lớn là tổ chức: Không có
- Cổ đông nhỏ: 616 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 2.858.927 CP, chiếm tỷ lệ sở hữu: 54,03%, trong đó:
 - + Cổ đông tổ chức: 03 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 294.450 CP chiếm tỷ lệ: 5,56%
 - + Cổ đông cá nhân: 613 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 2.564.477 CP, chiếm tỷ lệ sở hữu: 48,47%,
- Cổ đông trong nước: chiếm tỷ lệ sở hữu 100%.
- Cổ đông nước ngoài: Không có.

c> Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ):

Thời điểm góp vốn	Nội dung tăng vốn điều lệ	Vốn điều lệ (đồng)
Năm 2006	Vốn góp của cổ đông sáng lập	3.638.960.000
Năm 2012	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	11.644.600.000
Năm 2015	Phát hành cổ phiếu chào bán cho người lao động và nhà đầu tư riêng lẻ	2.716.440.000
Năm 2017	Phát hành cổ phiếu để trả cổ phiếu thưởng và chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu	7.200.000.000

Năm 2018	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	10.079.250.000
Năm 2023	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	17.639.430.000
Cộng		52.918.680.000

d> Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e> Các chứng khoán khác: Không

8. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .

6.1. Tác động lên môi trường:

Công ty có hệ thống bể xử lý nước thải, hệ thống thiết bị quan trắc tự động, đảm bảo nước thải sản xuất thải ra môi trường đạt các chỉ tiêu theo quy định.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tiêu thụ nguyên liệu:

Nguyên liệu chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Mía đường Cao Bằng là cây mía. Khối lượng mía đưa vào sản xuất trong trong niên độ 2024 – 2025 là 113.630 tấn. Sau khi tiến hành sản xuất đường thì các phế phẩm được thu hồi và xử lý như sau:

- Đối với bã mía: Được sử dụng làm nhiên liệu đốt cho lò hơi để cung cấp nhiệt cho dây truyền SX chế biến đường.
- Đối với bã bùn: Được bán trực tiếp cho người dân sử dụng cho trồng mía và các loại hoa màu khác.
- Mật ri: Được thu vào bồn chứa và bán cho cơ sở sản xuất cồn.

b) Tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng:

Trong dây truyền sản xuất mía đường, nguồn nhiên liệu chính mà Công ty sử dụng là bã mía làm nguyên liệu đốt cho lò hơi để cung cấp nhiệt cho chạy tuabin phát điện và cung cấp nhiệt cho nấu đường.

c) Tiêu thụ nước:

Nguồn nước công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh được sử dụng trực tiếp từ nước sông (nước mặt).

Lượng nước thải của Công ty sau quá trình sản xuất được thu gom, xử lý và xả thải đúng quy định, đảm bảo không gây các tác động xấu đến môi trường xung quanh.

c) Chính sách đối với người lao động

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, tuyển dụng lao động căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Bồi dưỡng đội ngũ quản lý có năng lực, trình độ chuyên môn;
- Sắp xếp, tinh giản lại nhân sự các phòng ban theo hướng gọn nhẹ;
- Thu hút nguồn nhân lực có năng lực, kinh nghiệm và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chính sách lương thưởng – phúc lợi
- Xây dựng chế độ Tiền lương, thưởng và phụ cấp cho cán bộ nhân viên một cách rõ ràng, minh bạch. Tiền lương bình quân của người lao động trong năm là 9.019.000 đồng/ người/ tháng.
- Thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quy định của Nhà nước liên quan đến chế độ và quyền lợi của người lao động. 100% người lao động của công ty được đóng đầy đủ BHXH.
- Thương xuyên quan tâm đến đời sống như tinh thần của cán bộ nhân viên bằng các hoạt động đoàn thể, thăm quan – du lịch hay thể dục – thể thao, ...

d) Tuân thủ pháp luật về môi trường

Công ty luôn chủ động nắm bắt và cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng luôn đảm bảo tuân thủ tốt các quy định về môi trường. Trong năm Công ty không bị xử phạt do không tuân thủ quy định về môi trường của Cơ quan quản lý Nhà nước.

e) Trách nhiệm đối với cộng đồng – xã hội

Từ khi thành lập đến nay, Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng luôn ý thức việc phát triển doanh nghiệp gắn liền với trách nhiệm đối với cộng đồng - xã hội.

Bên cạnh việc tuân thủ nghĩa vụ về Thuế đối với nhà nước, Công ty có những hoạt động thiện nguyện như: Ủng hộ các quỹ từ thiện của địa phương; Tham gia phong trào đền ơn đáp nghĩa; Làm nhà tình nghĩa...

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH vụ 2024-2025	TH vụ 2024- 2025	Tỉ lệ %
1	Diện tích vùng nguyên liệu		2.250	1.823	81

	Trong đó diện tích trồng mới vụ đông xuân 2024-2025		1.000	799,5	79,9
2	Tổng sản lượng mía sạch đưa vào sản xuất	Tấn	125.000	113.630	90,9
3	Tỷ lệ mía/đường	M/Đ	9,3	8,81	94,7
4	Sản lượng Đường nhập kho	tấn	13.440	12.906,3	96
	Trong đó : SL đường trắng	tấn	10.440	9.742,8	
	SL đường vàng	tấn	3.000	3.163,5	
5	Sản lượng đường tiêu thụ	tấn	13.400	14.167	105,7
	Trong đó : SL đường trắng bao	tấn	10.200	10.868	
	SL đường trắng túi	tấn	800	1.029	
	SL đường vàng bao	tấn	2.000	2.056,7	
	SL đường vàng túi	tấn	400	213,3	
6	Sản lượng mật rỉ tiêu thụ	tấn	4.375	5.493	125
7	SL bã bùn- tro lò TT	tấn	3.125	4.870	155
8	Tổng doanh thu :	tr.đ	258.868	265.069	102,3
	Doanh thu đường	Tr.đ	248.500	252.205	101,4
	Doanh thu Mật rỉ	tr.đ	9.625	11.705	121,6
	DT bã bùn – tro lò	Tr.đ	743	1.159	155
9	Tổng số lao động trong vụ ép	người	303	301	99
11	Lợi nhuận trước thuế TNDN	tr.đ	34.265	34.918	101,9
12	Nộp NSNN	tr.đ	11.500	12.239	106

2. Kết quả sản xuất mía nguyên liệu:

2.1. Diện tích sản lượng.

- Tổng diện tích mía đứng vụ ép 2024-2025 là : 1.960 ha trong đó mía tơ : 965 ha.
- Tổng số hộ dân trồng mía và đã ký hợp đồng thu mua với nhà máy là 3.905 hộ
- Năng suất : 58 tấn/ ha

- Tổng sản lượng mía : 115.080 tấn

Trong đó: Mía ép đưa vào sản xuất vụ 2024-2025 là : 113.630 tấn.

Mía giống :

1.450 tấn.

- Tổng diện tích mía vụ đông xuân 2024-2025 là: 1.823 ha đạt 81% so với kế hoạch (KH: 2.250ha)

2.2. Thu mua, đồn chặt, vận chuyển.

- Vụ ép 2024-2025 Công ty thu mua hết số mía đã ký hợp đồng với các hộ nông dân vùng nguyên liệu.

- Giá mua mía bình quân cả vụ: 1.325,5 đồng/kg

- Tiền mía được thanh toán kịp thời, chính xác.

- Công tác đồn chặt, vận chuyển hợp lý, chủ động đáp ứng theo kế hoạch sản xuất của dây chuyền, tỷ lệ mía cũ, đầu đen, đầu đỏ ít.

2.3. Đầu tư, thu hồi công nợ vùng nguyên liệu.

- Niên vụ 2024-2025 Công ty vẫn duy trì chính sách đầu tư, khuyến khích đối với các hộ nông dân trồng mía như: cho vay phân bón, thuốc trừ cỏ, mía giống không tính lãi, trợ giá mía giống đối với diện tích trồng mới.

- Thu hồi công nợ vụ 2024-2025 đạt 99,7%

- Tổng số tiền đầu tư cho vụ 2025-2026 : 11.623 triệu đồng

3. Kết quả sản xuất chế biến đường:

- Vụ sản xuất 2024-2025 bắt đầu từ ngày 29/11/2024 và kết thúc ngày 22/02/2025. Trong quá trình sản xuất hầu hết các công đoạn trên dây chuyền đã hoàn thành nhiệm vụ. Dây chuyền sản xuất tương đối ổn định, kiểm soát tương đối tốt các chỉ tiêu, ban ĐHSX và trưởng các bộ phận sản xuất đã linh động điều chỉnh công suất và các chỉ tiêu kỹ thuật dây chuyền. Chất lượng mía tốt CCS cao. Tuy nhiên sản lượng mía nhập không đạt kế hoạch nên ảnh hưởng đến sản xuất chế biến, năng suất ép thực tế đạt 95% so với kế hoạch, sản lượng đường nhập kho giảm, tỷ lệ tổn thất cao, hiệu suất tổng thu hồi thấp hơn so với kế hoạch. Cụ thể theo bảng số liệu sau:

Bảng chỉ tiêu kết quả sản xuất:

TT	Các chỉ tiêu chính	Đơn vị	Vụ 2024 - 2025		
			KH	TH	% (TH/KH)
1	2	3	5	6	7 = 6/5

1	Năng suất ép thực tế	t/ngày	1.720	1.630	95
2	Tổng hiệu suất thu hồi	%	83,3	82,09	98,5
3	Trữ đường bình quân (CCS)		11,2	12,1	108
4	Sản lượng đường	tấn	13.440	12.906,3	96
5	An toàn thiết bị	%	98,5	98	99

4. Kết quả hoạt động kinh doanh vụ 2024-2025:

Tổng doanh thu niên độ tài chính 2024-2025 tăng 2,3 % so với kế hoạch tương ứng số tiền tăng là : 6,2 tỷ đồng so với kế hoạch do sản lượng đường tiêu thụ trong kỳ tăng 5,7% so với kế hoạch. Niên vụ 2024-2025 do tình hình thị trường đường nhập lậu nhiều nguồn cung lớn nên giá đường vụ 2024-2025 giảm hơn so với vụ trước.

Tình hình tài chính của công ty đảm bảo và lợi nhuận trước thuế đạt 101,9 % so với kế hoạch.

Nộp ngân sách nhà nước đạt 106 % so với kế hoạch

5. Kết quả các mặt công tác khác:

5.1. Về công tác lao động tiền lương.

- Công tác tổ chức lao động niên vụ 2024-2025 : Công ty đã sắp xếp lao động hợp lý để ổn định công tác tổ chức, đáp ứng được chất lượng công việc nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động, giảm chi phí sản xuất kinh doanh . Định biên lao động vụ 2024-2025 là 303 người. Tiền lương bình quân của người lao động là 9,019 triệu đồng/người/tháng. Nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm đảm bảo quyền lợi cho CBCNV người lao động. Ngoài ra công ty còn chi trả thêm tiền thưởng, tiền lương tháng 13, tiền thâm niên, tiền lương bổ sung trong vụ ép; hỗ trợ tiền điện thoại, tiền ăn ca....

5.2. Công tác an ninh trật tự, an toàn lao động.

- Đảm bảo an toàn an ninh trật tự trong công ty.
- CBCNV người lao động và khách hàng thực hiện tốt Nội quy, Quy định của công ty.
- Công tác an toàn lao động trong toàn Công ty được duy trì và thực hiện tốt, vụ ép 2024-2025 an toàn không xảy ra tai nạn lao động.

5.3. Công tác duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 được duy trì thường xuyên.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Về các mặt hoạt động của công ty.

- Các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, có trách nhiệm với cổ đông, có nhiều đổi mới mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý, điều hành góp phần tạo nên sự ổn định trong công ty. Chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ SX chế biến vụ 2024 - 2025, việc làm, từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động, phát huy vai trò làm chủ của các cổ đông và người lao động, duy trì được kỷ cương của doanh nghiệp.

- Chỉ đạo xây dựng, bổ sung các nội qui, qui chế sát với yêu cầu thực tế đã phát huy được tác dụng tốt trong quản lý điều hành, nâng cao ý thức làm chủ của người lao động. Trong vụ sản xuất 2024-2025 công ty đã không xảy ra các tệ nạn xã hội, các công tác an ninh, an toàn VSTP, ATLĐ và PCCN đều được đảm bảo tốt. Nội bộ trong HĐQT đoàn kết và thống nhất cao trong hoạch định phát triển của Công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành, xây dựng quy chế và đề ra các chính sách kinh tế theo hướng tích cực để phát triển vùng nguyên liệu mía trên diện tích đã được quy hoạch, đáp ứng phù hợp lộ trình mở rộng công suất nhà máy.

2. Về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị tập trung bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh vụ sản xuất 2024-2025, tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành Công ty ứng phó với những biến động bất thường tình hình kinh tế trong nước trước ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực tới các mặt hoạt động công ty, kịp thời điều chỉnh để thích ứng xu thế mới, duy trì ổn định các mặt hoạt động đưa công ty vượt qua những khó khăn thách thức... để mang lại hiệu quả cao.

- Trong năm tổ chức các kỳ họp HĐQT theo định kỳ và lấy ý kiến thông qua phiếu biểu quyết; đã ban hành nhiều Nghị quyết, Quyết định xoay quanh các lĩnh vực như: Thông qua mục tiêu, kế hoạch kinh doanh năm vụ 2025- 2026, Đầu tư địa bàn vùng nguyên liệu mía, Phê duyệt các hạng mục đầu tư nâng cấp dây truyền sản suất cùng nhiều nội dung liên quan khác,...

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 vào ngày 10/10/2024, thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phân phối lợi nhuận NĐTC 2023-2024 và quyết định một số vấn đề quan trọng khác.

- Hội đồng quản trị luôn quan tâm hàng đầu vấn đề phát triển vùng nguyên liệu mía; chỉ đạo hoàn thành dự án đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất chế biến đường theo đúng kế hoạch đề ra. Vụ ép 2024-2025 đạt được: Diện tích mía là 1.960 ha; sản lượng mía nguyên liệu 113.630 tấn; công suất ép bình quân đạt 1.630 tấn mía/ ngày.

3. Kế hoạch của Hội đồng quản trị :

* Nhận định tình hình chung:

Niên độ tới tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty sẽ đối mặt với những khó khăn phải tính đến đó là chi phí sản xuất gia tăng .

- Tư thương tranh thu mua mía nguyên liệu sẽ hoạt động mạnh hơn, diện ảnh hưởng rộng hơn làm nhà sản xuất dưới công suất thiết kế; Cạnh tranh về giá thu mua do tỷ giá VND/CNY tăng cao sẽ gây áp lực lên giá thu mua mía.

- Luật thuế GTGT năm 2024 có hiệu lực từ 01/7/2025, và nghị định 174/2025/NĐ-CP theo đó thuế xuất đối với ngành đường trong kỳ tới tăng thêm 3% .

- Giá đường thế giới và trong nước đã đạt đỉnh theo chu kỳ và đang trong xu hướng đảo chiều, sản lượng mía cả nước đang trong chiều hướng tăng trong những năm gần đây sẽ tạo ra nguồn cung nội địa tăng lên.

Tuy nhiên Công ty cũng có những cơ hội, thuận lợi trong năm tới đó là:

- Sự ủng hộ của chính quyền các cấp đối với một mô hình kinh tế nông nghiệp phát triển bền vững trên địa bàn.

- Vùng nguyên liệu có sự chuyển dịch cơ cấu các bộ giống lâu năm, chữ đường thấp sang các bộ giống mới có chữ đường cao, năng suất cao.

- Đa phân các hộ dân trồng mía vẫn gắn bó với nhà máy sản xuất.

- Dây chuyền sản xuất đã tương đối đồng bộ sau khi đã hoàn thiện đầu tư lắp đặt mới nồi nấu A, nồi nấu B với công suất lớn hơn; hệ thống bốc hơi đã phát huy hiệu quả đây sẽ là dư địa cho việc tăng công suất dây chuyền, tăng sức cạnh tranh thu mua nguyên liệu và nâng cao hiệu quả thu hồi chế biến, giảm chi phí giá thành sản xuất.

Căn cứ những thuận lợi khó khăn nêu trên cũng như số liệu báo cáo từ vùng nguyên liệu. HĐQT xây dựng mục tiêu sản xuất kinh doanh cho niên vụ 2025-2026, trình đại hội đồng cổ đông xem xét như sau:

1. Diện tích mía nguyên liệu vụ đông xuân 2025-2026 đạt trên 2.050 ha

Trong đó diện tích trồng mới: ≥ 950 ha

2. Năng suất bình quân : ≥ 65 tấn/ ha

3. Sản lượng mía ép vụ 2025-2026 : ≥ 113.000 tấn

4. Tỷ lệ mía/ đường : $\leq 8,7$

5. Hiệu suất tổng thu hồi $\geq 85,4$ %

6. Công suất chế biến thực tế bình quân: 1.730 tấn mía/ngày .

7. Sản lượng đường nhập kho: ≥ 12.988 tấn

8. Sản lượng đường tiêu thụ: 13.000 tấn

9. Sản lượng Mật rỉ tiêu thụ: ≥ 4.500 tấn

10. Sản lượng bã bùn- tro lò ≥ 3.500 tấn

11. Tổng doanh thu đạt: ≥ 229 tỷ đồng

12. Lợi nhuận trước thuế: ≥ 15 tỷ đồng

13. Nộp ngân sách Nhà nước: 15 tỷ đồng

14. Cổ tức 15 %/ VDL

*** Một số giải pháp thực hiện trong niên vụ 2025-2026:**

1. Về tổ chức quản trị

1.1. Thực hiện quản trị theo quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế Ban TGD

1.2. Tiếp tục xem xét sắp xếp lao động theo hướng tinh gọn có hiệu quả.

1.3. Mở lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lao động trẻ đã ký hợp đồng dài hạn

1.4. Xây dựng quy chế chi tiêu tài chính công ty, Quy chế quản lý, sử dụng các quỹ trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Quy chế Quản lý khen thưởng người lao động

1.5. Cập nhật, sửa đổi bổ sung có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015.

2. Về xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía:

- Ban hành chính sách đầu tư cho vùng nguyên liệu, giữ ổn định giá mía. Bổ sung chính sách khuyến khích trồng mới, khuyến khích chăm sóc tăng thời gian lưu gốc để tăng hiệu quả kinh tế cho cây mía.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao trình độ canh tác, tăng năng suất tăng thu nhập cho người dân trên diện tích đất tạo được thế cạnh tranh với cây trồng khác.

- Cùng cố chuỗi liên kết theo nghị định 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp để tận dụng các nguồn vốn của nhà nước cho phát triển cây mía ở địa phương. Cũng tạo cơ sở pháp lý bảo vệ chuỗi liên kết về sau.

- Hỗ trợ thúc đẩy cơ giới hoá vào khâu trồng, chăm sóc mía. Sử dụng phân bón chuyên dùng kết hợp phân hữu cơ của nhà máy.

- Tổ chức tốt công tác đón chặt vận chuyển, đảm bảo mía chặt xong được chuyển ngay về chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất.

3. Về Đầu tư thiết bị dây chuyền chế Chế biến:

Thực hiện đầu tư thay thế các một số thiết bị dây chuyền đã hết khấu hao, hay sảy ra sự cố. Đầu tư các hệ thống tiết kiệm năng lượng trong dây chuyền để nâng cao hiệu suất tổng thu hồi, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, tận thu tối đa phụ phẩm sau đường để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo vệ môi trường.

Lựa chọn tỷ lệ sản xuất từng loại sản phẩm đường Trắng, vàng phù hợp. để tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu suất tổng thu hồi và đa dạng hóa sản phẩm.

Đầu tư xây mới nhà kho chứa thành phẩm, quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường

5. Về Tiêu Thụ sản phẩm.

- Xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm hợp lý, tạo lập kênh phân phối ổn định thông qua ký kết Hợp đồng với các khách hàng truyền thống, tăng doanh thu từ kênh bán lẻ.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm tài chính 2024-2025 HĐQT không có sự thay đổi về nhân sự.

Hội đồng quản trị :

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần có đến 30/6/2024	
		Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT	131.474	2,48%
Ông Ma Trung Lập	Phó chủ tịch/Tổng Giám đốc	612	0,01%
Ông Nông Văn Lạc	Thành viên HĐQT	40.000	0,75%
Bà Mã Thị Quyết	Thành viên/Kế toán trưởng	77.526	1,46%
Ông Nông Văn Sơn	Thành viên/Phó Tổng Giám đốc	2.432.941	45,97%

b. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị: Hiện nay công ty chưa có các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của hội đồng quản trị:

Các cuộc họp, nghị quyết của HĐQT trong niên độ 2024 – 2025

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết Số 599/NQ-HĐQT	03/07/2024	Thông qua chỉ tiêu kế hoạch SXKD niên vụ sản xuất 2024-2025.
2	Nghị quyết số 616/NQ-HĐQT	23/07/2024	Về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty đối với Ông Nông Văn Sơn.
3	Nghị quyết Số 627/NQ-HĐQT	02/08/2024	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
4	Nghị quyết số 651/NQ-HĐQT	20/08/2024	Về việc điều chỉnh mức tiền lương cơ sở.
5	Nghị quyết số 743/NQ-HĐQT	16/10/2024	Về việc thực hiện chi trả cổ tức NDTC 2023-2024 theo Nghị quyết ĐHĐCĐTN năm 2024.
6	Nghị quyết Số 769/NQ-HĐQT	31/10/2024	Về việc vay vốn Ngân hàng đầu tư cho vụ sản xuất 2024-2025.
7	Quyết định Số 786/QĐ-HĐQT	08/11/2024	Về việc ban hành chính sách thu mua, đầu tư nguyên liệu mía niên vụ 2024-2025.

8	Quyết định Số 823/QĐ-HĐQT	27/11/2024	Về việc chi lương tháng thứ 13 cho người lao động.
9	Quyết định Số 828/QĐ-HĐQT	30/11/2024	Về việc khen thưởng Ban điều hành quản lý công ty niên vụ 2023-2024.
10	Quyết định Số 877/QĐ-HĐQT	27/12/2024	Về việc năm 2025 cho người lao động.
11	Quyết định Số 878/QĐ-HĐQT	27/12/2024	Về việc bổ sung quỹ tiền lương chi trả cho người lao động tham gia vụ SX 2024-2025.
12	Nghị quyết Số 76/NQ-HĐQT	18/02/2025	Nhất trí đầu tư mua mới thiết bị Nồi nấu đường 30m ³ .
13	Nghị quyết số 85/NQ-HĐQT	26/02/2025	Phê duyệt báo giá mua mới thiết bị Nồi nấu đường 30m ³ .
14	Quyết định Số 102/NQ-HĐQT	21/03/2025	Quyết định về việc Ban hành Quy chế sửa chữa bảo dưỡng, cải tạo lắp đặt thiết bị sau vụ sản xuất.
15	Nghị quyết Số 116/NQ-HĐQT	02/04/2025	Nhất trí đầu tư mua mới thiết bị Nồi nấu đường 25m ³ .
16	Nghị quyết Số 149/QĐ-HĐQT	08/04/2025	Phê duyệt báo giá mua mới thiết bị Nồi nấu đường 25m ³ .
17	Nghị quyết Số 129/QĐ-HĐQT	11/04/2025	Về việc miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc đối với Ông Ma Trung Lập.
18	Nghị quyết Số 130/NQ-HĐQT	11/04/2025	Về việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc đối với Bà Nông Thị Nậu.
19	Quyết định Số 170/NQ-HĐQT	15/05/2025	Về việc chỉ định thầu lập BC KTKT đối với hạng mục: Gia cố Nhà Chế luyện để lắp đặt thêm thiết bị nồi nấu đường.
20	Nghị Quyết số 191/NQ-HĐQT	10/06/2025	Về việc lựa chọn Đơn vị Kiểm toán độc lập, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm kết thúc tại ngày 30/06/2025.

Hoạt động của hội đồng quản trị theo cơ chế tập trung dân chủ tuân thủ pháp luật, điều lệ và các nghị quyết đại hội cổ đông, của hội đồng quản trị. Các thành viên hội đồng quản trị thực hiện chức trách nhiệm vụ theo quy chế hiện hành. Chế độ hội họp của Hội đồng quản trị thực hiện đúng quy định điều lệ và qui chế làm việc, nội dung các cuộc họp chuẩn bị chu đáo, ghi biên bản và ban hành các nghị quyết triển khai đến các cấp điều hành thực hiện.

d. Hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập không tham gia điều hành:

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không tham gia điều hành: Trong năm tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Giám sát chặt chẽ hoạt động SXKD của Công ty.

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát:

Danh sách Ban kiểm soát công ty:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần có đến 30/6/2024	
		Số cổ phần	Tỷ lệ SH cổ phần
Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng Ban kiểm soát	3.000	0,05%
Ông Trương Minh Đức	Thành viên BKS/ QĐ PX	1.152	0,02%
Ông Đinh Bế Đình	Thành viên BKS /QĐ PX	400	0,007%

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát

a) Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc:

Đơn vị tính; Đồng

STT	Chức vụ	Số thành viên	Tiền lương	Tiền thưởng	Phụ cấp HĐQT, BKS	Tổng cộng
1	Chủ tịch HĐQT	1	257,145,000	25,930,000	-	283,075,000
2	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD	1	185,422,000	21,474,000	39,204,000	246,100,000
3	Thành viên HĐQT	3	373,315,000	35,699,000	103,092,000	512,106,000
4	Trưởng Ban kiểm soát	1	178,290,000	17,716,000	-	196,006,000
5	Thành viên Ban kiểm soát	2	324,682,000	29,526,000	34,848,000	389,056,000
6	Phó Tổng giám đốc	1	164,752,000	18,789,000	-	183,541,000
	Cộng	9	1,483,606,000	149,134,000	177,144,000	1,809,884,000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

STT	Tên cổ đông	Quan hệ với CĐNB	SL cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số lượng cổ phần sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	tỷ lệ	
1	Nông Văn Thuyết	CT HĐQT	285.874	5,4 %	131.474	2,48 %	Chuyển nhượng
1.1	Hoàng Thị Tuyết Mai	Vợ	0		0		
1.2	Nông Triều Dương	Con	0		0		
1.3	Nông Hồng Duy	Con	0		0		
1.4	Nông Thị Thủy	Chị gái	6.400	0,12%	6.400	0,12%	
1.5	Nông Văn Trinh	Em trai	5.500	0,10%	5.300	0,10%	
2	Ma Trung Lập	P CT HĐQT /TGĐ	16.012	0,3%	612	0,01%	Bán do nhu cầu tài chính cá nhân
2.1	Lương Thị Hiền	Vợ	-		-		
2.2	Ma Đình Phong	Con	-		-		
3	Ông Nông Văn Lạc	Thành viên HĐQT	40.000	0,75 %	40.000	0,75 %	
3.1	Bà Nông Thị Hoa	Vợ của Ông Nông Văn Lạc	32.923	0,62%	-		Bán do nhu cầu tài chính cá nhân
3.2	Bà Nông Thị Thu Hà	Con của Ông Nông Văn Lạc	30.048	0,56%	210.048	3,96%	Nhận chuyển nhượng
3.3	Ông Nông Văn Sơn	Con của Ông Nông Văn Lạc	2.432.941	45,97%	2.432.941	45,97%	
3.4	Ông Nông Văn Ba	Em của Ông Nông Văn Lạc	8.643	0,16%	8.643	0,16%	
4	Bà Mã Thị Quyết	TV HĐQT/ KTT	78.526	1,48%	77.526	1,46%	Bán do nhu cầu tài chính cá nhân
4.1	Đàm Thịnh Hưng	Chồng	4.098	0,07 %	4.098	0,07 %	
4.2	Đàm Lê An Phượng	Con	-		-		
4.3	Đàm Lê An Khánh	Con	-		-		
5	Nông Văn Sơn	Thành viên HĐQT/ Phó TGĐ	2.432.941	45,97%	2.432.941	45,97%	

5.1	Nông Văn Lạc	Bố, Thành viên HĐQT	40.000	0,76%	40.000	0,76%	
5.2	Nông Thị Hoa	Mẹ	-		-		
5.3	Nông Thị Thu Hà	Chị	30.048	0,56%	210.048	3,96%	Nhận chuyển nhượng
6	Nông Thị Nậu	Phó TGD	15.018	0,28 %	15.018	0,28 %	
6.1	Đinh Ích Bôi	Chồng	-		-		
6.2	Đinh Thị Bền	Con	-		-		
6.3	Đinh Mạnh Vững	Con	-		-		
7	Hoàng Thị Quyết	TB BKS	3.000	0.05 %	3.000	0.05 %	
7.1	Hoàng Ngọc Long	Chồng	0		0		
7.2	Hoàng Ngọc Quỳnh	Con	0		0		
7.3	Hoàng Ngọc Ân	Con	0		0		
7.4	Hoàng Văn Trường	Anh	1.593	0,03 %	1.593	0,03 %	
8	Trương Minh Đức	TV BKS	0		1.152	0,02%	Mua
8.1	Sầm Thị Hương	Vợ	0		0		
8.2	Trương Minh Huy	Con	0		0		
8.3	Trương Minh Tân	Con	0		0		
9	Đinh Bé Đính	TV BKS	400	0,007%	400	0,007%	
9.1	Nông Thị Hoạch	Vợ					
9.2	Đinh Bé Thiên Đan	Con					
9.3	Đinh Thiên Lý	Con					

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty tiếp tục hoàn thiện các quy chế về quản trị công ty, theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, phù hợp với tình hình thực tế của công ty nhằm nâng cao hiệu lực hiệu quả trong điều hành quản lý Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (được trình bày trong phần tiếp theo)

Gồm các nội dung:

I. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

II. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Đăng Website- CBS;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HĐQT
Nông Văn Thuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 31

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phúc Hòa, tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty Mía đường Cao Bằng - DNNN trước đây được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng theo quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 08 ngày 12 tháng 06 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng cấp.

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

Trụ sở chính: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phúc Hòa, tỉnh Cao Bằng

Vốn điều lệ của Công ty là: 52.918.680.000 VNĐ (Năm mươi hai tỷ chín trăm mười tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn), tương ứng với 5.291.868 cổ phần.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012, thay đổi lần thứ 08 ngày 12 tháng 06 năm 2025, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất đường
Chi tiết: Sản xuất, xuất khẩu xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các sản phẩm sau đường (rượu, cồn, bánh kẹo);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành mía đường;
- Sửa chữa máy móc thiết bị
Chi tiết: Sửa chữa máy móc thiết bị ngành mía đường;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
Chi tiết: Lắp đặt máy móc và thiết bị ngành mía đường;
- Trồng cây mía;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nơ-tơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm
Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh;

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị

Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT
Ông Nông Văn Lạc	Thành viên HĐQT
Ông Ma Trung Lập	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Mã Thị Quyết	Thành viên HĐQT
Ông Nông Văn Sơn	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng ban
Ông Trương Minh Đức	Thành viên
Ông Đinh Bế Đình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Ma Trung Lập	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 01/05/2025
Bà Nông Thị Nậu	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 01/05/2025
Ông Nông Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nông Văn Trình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/09/2025
Bà Mã Thị Quyết	Kế toán trưởng	

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nông Văn Thuyết Chủ tịch HĐQT

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NÔNG VĂN THUYẾT
Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 15 tháng 09 năm 2025



Số: 121/2025/BCKT-PB.00024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 09 năm 2025, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



VŨ GIANG NAM

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5246-2021-009-1

Người được ủy quyền

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2025

NGUYỄN XUÂN HÙNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5701-2023-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/06/2025 VND	01/07/2024 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		207.913.924.188	218.062.712.473
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	24.668.441.511	14.165.515.762
1. Tiền	111		24.668.441.511	14.165.515.762
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		119.000.000.000	110.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	119.000.000.000	110.000.000.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.853.774.571	26.068.220.835
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	12.533.317.600	12.586.962.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.911.551.512	9.214.893.340
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	4.069.372.774	3.926.831.910
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(45.100.000)	(45.100.000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		384.632.685	384.632.685
IV/ Hàng tồn kho	140	5.7	35.913.534.524	58.583.726.117
1. Hàng tồn kho	141		35.913.534.524	58.583.726.117
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		8.478.173.582	9.245.249.759
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	8.478.173.582	9.245.249.759
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		70.833.970.766	51.998.781.206
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		48.772.817.930	33.110.977.164
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	47.734.023.204	32.019.419.006
- Nguyên giá	222		264.129.648.146	238.751.167.695
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(216.395.624.942)	(206.731.748.689)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.038.794.726	1.091.558.158
- Nguyên giá	228		1.842.128.434	1.842.128.434
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(803.333.708)	(750.570.276)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		10.830.845.587	10.830.845.587
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	10.830.845.587	10.830.845.587
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		11.230.307.249	8.056.958.455
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	11.230.307.249	8.056.958.455
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		278.747.894.954	270.061.493.679

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phúc Hòa, tỉnh Cao Bằng
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2025 VND	01/07/2024 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		20.288.833.600	23.107.378.042
I/ Nợ ngắn hạn	310		20.288.833.600	23.107.378.042
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.747.939.170	301.999.645
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	750.130.603	7.855.875.604
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	1.689.936.848	1.918.708.814
4. Phải trả người lao động	314		1.951.209.862	1.927.309.904
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		48.000.000	211.220.940
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	1.279.001.043	885.681.785
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	3.494.933.297	2.987.165.710
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		9.327.682.777	7.019.415.640
II/ Nợ dài hạn	330		-	-
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		258.459.061.354	246.954.115.637
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.18	258.424.061.354	246.919.115.637
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.918.680.000	52.918.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.918.680.000	52.918.680.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		66.894.768.803	66.894.768.803
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		138.610.612.551	127.105.666.834
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		104.625.932.068	74.272.620.706
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		33.984.680.483	52.833.046.128
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		35.000.000	35.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		35.000.000	35.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		278.747.894.954	270.061.493.679



NÔNG VĂN THUYẾT

Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 15 tháng 09 năm 2025

MÃ THỊ QUYẾT

Kế toán trưởng

MÃ THỊ QUYẾT

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	265.149.946.914	243.699.791.779
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	79.965.000	19.980.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		265.069.981.914	243.679.811.779
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	227.886.161.776	188.037.129.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.183.820.138	55.642.682.779
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	4.792.660.523	4.656.747.815
7. Chi phí tài chính	22	6.5	711.176.444	450.782.695
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		378.986.306	315.616.438
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	1.072.158.241	981.775.809
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	5.462.856.320	5.136.653.511
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.730.289.656	53.730.218.579
11. Thu nhập khác	31	6.8	12.118.015.661	12.141.608.161
12. Chi phí khác	32	6.9	11.930.205.186	12.033.672.078
13. Lợi nhuận khác	40		187.810.475	107.936.083
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.918.100.131	53.838.154.662
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	933.419.648	1.005.108.534
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33.984.680.483	52.833.046.128
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	5.619	8.736
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	5.619	8.736



NÔNG VĂN THUYẾT

Chủ tịch HĐQT -

Cao Bằng, ngày 15 tháng 09 năm 2025

MÃ THỊ QUYẾT

Kế toán trưởng

MÃ THỊ QUYẾT

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

Chi tiêu	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	271.691.372.600	253.631.304.755
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(181.275.005.151)	(185.904.668.511)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.228.859.580)	(19.593.989.216)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(378.986.306)	(315.616.438)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.583.003.574	1.987.858.276
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(25.039.269.493)	(27.716.958.966)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	46.352.255.644	22.087.929.900
II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.919.117.514)	(10.876.556.627)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	157.272.726
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(240.000.000.000)	(270.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	231.000.000.000	260.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.182.008.469	6.503.109.459
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.737.109.045)	(14.216.174.442)
III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	40.000.000.000	40.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.112.220.850)	(12.601.697.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.112.220.850)	(12.601.697.875)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	10.502.925.749	(4.729.942.417)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.165.515.762	18.895.458.179
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	24.668.441.511	14.165.515.762



NÔNG VĂN THUYẾT

Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 15 tháng 09 năm 2025

MÃ THỊ QUYẾT

Kế toán trưởng

MÃ THỊ QUYẾT

Người lập biểu

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty Mía đường Cao Bằng - DNNN trước đây được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng theo quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2008 thay đổi lần thứ 08 ngày 12 tháng 06 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng cấp.

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

Trụ sở chính: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng

Vốn điều lệ của Công ty là: 52.918.680.000 VNĐ (Năm mươi hai tỷ chín trăm mười tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn), tương ứng với 5.291.868 cổ phần.

Công ty hiện đang niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch UPCOM theo quyết định số 428/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tổng giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán: CBS.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012, thay đổi lần thứ 08 ngày 12 tháng 06 năm 2025, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất đường
Chi tiết: Sản xuất, xuất khẩu xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các sản phẩm sau đường (rượu, cốm, bánh kẹo);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành mía đường;
- Sửa chữa máy móc thiết bị
Chi tiết: Sửa chữa máy móc thiết bị ngành mía đường;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
Chi tiết: Lắp đặt máy móc và thiết bị ngành mía đường;
- Trồng cây mía;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm
Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm nay so sánh được với số liệu của năm trước.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm sau.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng Quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Là chi phí nguyên vật liệu đóng bao đường túi.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Các mặt hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân giá quyền theo tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất của công ty bao gồm các diện tích đất có thời hạn sử dụng và không có thời hạn sử dụng cho mục đích xã thải. Chi tiết các diện tích đất được trình bày tại thuyết minh 5.9.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoán Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty áp dụng chính sách thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất chế biến sản phẩm đường kính từ nguyên liệu mía cây được thu mua của các nông hộ sản xuất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính; Công văn số 3680/TCT-CS ngày 21/08/2023 của Tổng cục Thuế; Công văn số 1643/CTCBA-TTHT ngày 25/08/2023 của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng.
- Thu nhập từ các hoạt động khác chịu thuế TNDN với thuế suất thuế TNDN hiện hành 20%.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2025 VND	01/07/2024 VND
Tiền mặt	249.347.000	404.955.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.419.094.511	13.760.560.762
Tiền gửi VND	24.419.094.511	13.759.930.202
Tiền gửi ngoại tệ	-	630.560
Cộng	24.668.441.511	14.165.515.762

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	119.000.000.000	119.000.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000
Cộng	119.000.000.000	119.000.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phúc Hòa, tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị	Thời hạn	Lãi suất
Tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Phúc Hòa Cao Bằng	25.000.000.000	6 tháng	4,3 - 4,4%/năm
Tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cao Bằng	34.000.000.000	6 tháng	4,2 - 4,7%/năm
Tại Ngân hàng TMCP Lọc Phát (LPBANK) - CN Cao Bằng	25.000.000.000	6 tháng	4,8 - 5,0%/năm
Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Cao Bằng	35.000.000.000	6 tháng	4,9 - 5,2%/năm
Cộng	119.000.000.000		

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Phải thu các khách hàng khác				
Công ty TNHH TMTH Kim Anh	116.400.000	-	223.110.000	-
Công ty TNHH SX và Thương Mại Tư Dung	194.970.000	-	130.470.000	-
Công ty SXTM Hải Hà (TNHH)	203.580.000	-	-	-
Phải thu nợ vùng nguyên liệu	11.623.197.600	-	11.657.262.900	-
Các khách hàng khác	395.170.000	(35.100.000)	576.120.000	(35.100.000)
Cộng	12.533.317.600	(35.100.000)	12.586.962.900	(35.100.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước các bên liên quan				
Trả trước các khách hàng khác				
Công ty TNHH XD TM Duy Tiến	-	-	1.249.000.000	-
Công ty TNHH Mậu dịch XNK Hoa Lạc huyện Long Châu - TQ	-	-	2.160.929.799	-
Công ty TNHH Thiết bị năng lượng môi trường Tỉnh nhuệ Quảng Tây	-	-	4.415.146.521	-
Công ty TNHH thiết bị Quảng Hải Trạm Giang	2.600.307.463	-	-	-
Các khách hàng khác	311.244.049	-	1.389.817.020	-
Cộng	2.911.551.512	-	9.214.893.340	-

5.5 Phải thu khác ngắn hạn

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Nông Văn Thuyết - Tạm ứng	130.000.000	-	150.000.000	-
Nông Văn Sơn - Tạm ứng	10.000.000	-	650.000.000	-
Mã Thị Quyết - Tạm ứng	27.000.000	-	40.000.000	-
Hoàng Thị Quyết - Tạm ứng	10.000.000	-	15.000.000	-
Trương Minh Đức - Tạm ứng	-	-	24.000.000	-
Phải thu các đối tượng khác				
Lãi dự thu tiền gửi	1.177.473.972	-	566.821.918	-
Tạm ứng CBNV	1.988.581.636	-	1.912.960.000	-
Phải thu BHXH, KPCĐ người lao động	649.217.166	-	467.649.992	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	77.100.000	(10.000.000)	100.400.000	(10.000.000)
Cộng	4.069.372.774	(10.000.000)	3.926.831.910	(10.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÌA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

5.6 Nợ xấu

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Hà Thị Thoa	35.100.000	-	35.100.000	-
Ban QL KKT cửa khẩu Tà Lùng	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	45.100.000	-	45.100.000	-

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.965.444.128	-	2.954.032.953	-
Công cụ, dụng cụ	1.940.417.579	-	2.714.601.342	-
Chi phí SXKD dở dang	56.899.746	-	10.812.951	-
Thành phẩm	31.904.441.991	-	52.433.572.761	-
Hàng hoá	46.331.080	-	193.704.938	-
Thành phẩm tại các cửa hàng	-	-	277.001.172	-
Cộng	35.913.534.524	-	58.583.726.117	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phúc Hòa, tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/07/2024	60.620.832.900	173.780.335.710	4.002.813.083	347.186.002	238.751.167.695
Mua trong năm		16.334.751.856			16.334.751.856
Kết chuyển từ ĐTXDCB	7.245.145.862				7.245.145.862
Thiết bị đưa vào sử dụng		1.798.582.733			1.798.582.733
30/06/2025	67.865.978.762	191.913.670.299	4.002.813.083	347.186.002	264.129.648.146
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
01/07/2024	50.349.093.823	153.116.518.640	3.060.018.538	206.117.688	206.731.748.689
Khấu hao trong năm	1.980.842.499	7.456.849.778	190.878.989	35.304.987	9.663.876.253
30/06/2025	52.329.936.322	160.573.368.418	3.250.897.527	241.422.675	216.395.624.942
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/07/2024	10.271.739.077	20.663.817.070	942.794.545	141.068.314	32.019.419.006
30/06/2025	15.536.042.440	31.340.301.881	751.915.556	105.763.327	47.734.023.204

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 144.147.214.340 đồng, tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 129.210.725.617 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bán quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/07/2024	1.724.719.343	-	-	117.409.091	-	1.842.128.434
30/06/2025	1.724.719.343	-	-	117.409.091	-	1.842.128.434
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
01/07/2024	633.161.185	-	-	117.409.091	-	750.570.276
Khấu hao trong năm	52.763.432	-	-	-	-	52.763.432
30/06/2025	685.924.617	-	-	117.409.091	-	803.333.708
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/07/2024	1.091.558.158	-	-	-	-	1.091.558.158
30/06/2025	1.038.794.726	-	-	-	-	1.038.794.726

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 117.409.091 đồng, tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 117.409.091 đồng

Giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025 gồm:

Lô đất	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Giá trị (VND)	Pháp lý
Đất ao thái	8.890	20 năm	1.055.288.643	Đã có sổ đỏ
Đất tuyến mương thoát nước ao thái		Không thời hạn	27.191.700	Đang làm sổ đỏ
Đất bến Xà Lan	3.633,5	Không thời hạn	574.911.000	Đang làm sổ đỏ
Đất tại cửa xả nước thái	160	Không thời hạn	67.348.000	Đang làm sổ đỏ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phúc Hòa, tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2025 VND	01/07/2024 VND
Xây dựng cơ bản		
Dự án Trại mía giống	442.919.903	442.919.903
Dự án khu dân cư	5.207.254.052	5.207.254.052
Gian hàng shophouse	4.900.460.723	4.900.460.723
Thiết bị, công trình khác	280.210.909	280.210.909
	10.830.845.587	10.830.845.587

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2025 VND	01/07/2024 VND
Thiết bị, công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.197.085.265	6.841.270.871
Chi phí sửa chữa	4.910.555.317	1.111.925.027
Các khoản khác	122.666.667	103.762.557
Cộng	11.230.307.249	8.056.958.455

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan				
Phải trả nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH Mậu dịch XNK Hoa Lạc huyện Long Châu - TQ	-	-	203.629.735	203.629.735
Công ty TNHH Thiết bị năng lượng môi trường Tỉnh nhuê Quảng Tây	1.696.240.000	1.696.240.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	51.699.170	51.699.170	98.369.910	98.369.910
Cộng	1.747.939.170	1.747.939.170	301.999.645	301.999.645

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phúc Hòa, tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các bên liên quan mua trả trước				
Các đối tượng khác mua trả trước				
Công ty TNHH Thành Hữu	-	-	3.223.300.000	3.223.300.000
Trần thị Tiến	700.000.000	700.000.000	-	-
Công ty TNHH Đức Lộc	-	-	2.255.000.000	2.255.000.000
Công ty TNHH SXTM Hải Hà	-	-	2.330.610.001	2.330.610.001
Các đối tượng khác	50.130.603	50.130.603	46.965.603	46.965.603
Cộng	750.130.603	750.130.603	7.855.875.604	7.855.875.604

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan				
Phải trả các đối tượng khác				
Cổ tức phải trả các cổ đông nhỏ lẻ	39.390.325	39.390.325	19.619.875	19.619.875
Kinh phí công đoàn	236.273.510	236.273.510	182.602.816	182.602.816
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	310.000.000	310.000.000	285.000.000	285.000.000
Phải trả khác	693.337.208	693.337.208	398.459.094	398.459.094
Cộng	1.279.001.043	1.279.001.043	885.681.785	885.681.785

5.15 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/06/2025	01/07/2024
	VND	VND
Dự phòng quỹ lương mùa vụ tiếp theo	3.494.933.297	2.987.165.710
Cộng	3.494.933.297	2.987.165.710

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.916.294.909	9.551.524.355	9.777.882.416	-	1.689.936.848
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	822.925.923	822.925.923	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.245.249.759	-	933.419.648	-	8.311.830.111	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.413.905	788.341.466	790.755.371	-	-
Thuế tài nguyên	-	-	164.325.600	164.325.600	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	388.134.767	554.478.238	166.343.471	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	49.011.227	49.011.227	-	-
Cộng	9.245.249.759	1.918.708.814	12.697.682.986	12.159.378.775	8.478.173.582	1.689.936.848

Thuế giá trị gia tăng: Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, giá trị thuế phát sinh từ tháng 2 đến tháng 6 năm 2025 được gia hạn nộp thuế theo nghị định số 82/2025/NĐ-CP ngày 02/4/2025 của chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty áp dụng chính sách thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất chế biến sản phẩm đường kinh từ nguyên liệu mía cây được thu mua của các nông hộ sản xuất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính; Công văn số 3680/TCT-CS ngày 21/08/2023 của Tổng cục Thuế; Công văn số 1643/CTCBA-TTHT ngày 25/08/2023 của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng.
- Thu nhập từ các hoạt động khác chịu thuế TNDN với thuế suất thuế TNDN hiện hành 20%.

Thuế nhà đất và tiền thuê đất: tiền thuê đất năm 2024 được giảm 30% theo Nghị định số 87/NĐ-CP ngày 11/04/2025 của Chính phủ quy định việc giảm tiền thuê đất năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2025		Trong năm		01/07/2024	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Nam Quảng Hòa	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
Cộng	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phúc Hòa, tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

5.18 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.18.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	52.918.680.000	66.894.768.803	94.374.630.086	214.188.078.889
Lãi trong năm trước	-	-	52.833.046.128	52.833.046.128
Chia cổ tức	-		(13.229.670.000)	(13.229.670.000)
Trích lập các quỹ			(6.872.339.380)	(6.872.339.380)
Số dư cuối năm trước	52.918.680.000	66.894.768.803	127.105.666.834	246.919.115.637
Số dư đầu năm	52.918.680.000	66.894.768.803	127.105.666.834	246.919.115.637
Lãi trong năm nay			33.984.680.483	33.984.680.483
Chia cổ tức (i)			(15.875.604.000)	(15.875.604.000)
Trích lập các quỹ (i)			(6.604.130.766)	(6.604.130.766)
Số dư cuối năm	52.918.680.000	66.894.768.803	138.610.612.551	258.424.061.354

(i) Công ty trích lập các quỹ và chia cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 733/2024/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 10/10/2024

5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Nông Văn Sơn	24.329.280.000	45,97%	24.329.280.000	45,97%
Nông Văn Thuyết	1.269.740.000	2,40%	2.858.740.000	5,40%
Vốn góp của cổ đông khác	27.319.660.000	51,63%	25.730.660.000	48,63%
Cộng	52.918.680.000	100%	52.918.680.000	100%

5.18.3 Cổ phiếu

	30/06/2025 <i>Cổ phiếu</i>	01/07/2024 <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.291.868	5.291.868
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.291.868	5.291.868
Cổ phiếu phổ thông	5.291.868	5.291.868
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.291.868	5.291.868
Cổ phiếu phổ thông	5.291.868	5.291.868
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay <i>VND</i>	Năm trước <i>VND</i>
Doanh thu bán đường	252.285.405.070	232.281.924.220
Doanh thu bán phụ phẩm sản xuất đường, doanh thu khác	12.864.541.844	11.417.867.559
Cộng	265.149.946.914	243.699.791.779

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay <i>VND</i>	Năm trước <i>VND</i>
Giảm giá hàng bán	79.965.000	19.980.000
Cộng	79.965.000	19.980.000

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay <i>VND</i>	Năm trước <i>VND</i>
Giá vốn đường	227.886.161.776	188.036.869.000
Giá vốn phụ phẩm sản xuất đường, giá vốn khác	-	260.000
Cộng	227.886.161.776	188.037.129.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.792.651.183	4.656.732.616
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.340	15.199
	4.792.660.523	4.656.747.815

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	378.986.306	315.616.438
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	244.670.678	134.817.783
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	87.519.460	348.474
Cộng	711.176.444	450.782.695

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	325.473.221	319.536.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác	744.455.196	662.239.540
Cộng	1.072.158.241	981.775.809

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.831.144.192	2.793.736.123
Chi phí đồ dùng văn phòng	292.965.880	183.274.402
Chi phí khấu hao TSCĐ	347.145.930	340.884.414
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác	1.988.600.318	1.709.846.912
Cộng	5.462.856.320	5.136.653.511

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

6.8 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	157.272.726
Bán phần bón, mía giống cho vùng trồng mía nguyên liệu	11.575.764.800	11.523.000.557
Thu nhập khác	542.250.861	461.334.878
Cộng	12.118.015.661	12.141.608.161

6.9 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của phân bón, mía giống	11.580.182.377	11.575.795.442
Các khoản khác	350.022.809	457.876.636
Cộng	11.930.205.186	12.033.672.078

6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.918.100.131	53.838.154.662
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	198.901.842	381.028.309
Các khoản điều chỉnh tăng	198.901.842	381.028.309
Chi phí không hợp lệ	198.901.842	381.028.309
Thu nhập được miễn thuế	30.449.903.741	49.193.640.302
Thu nhập tính thuế TNDN	4.667.098.232	5.025.542.669
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	933.419.648	1.005.108.534
Trong đó,		
Hoạt động sản xuất kinh doanh	933.419.648	1.005.108.534
Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	-
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	933.419.648	1.005.108.534

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

Trong đó :

CHỈ TIÊU	Mã số	Kết quả SXKD năm nay VND	Hoạt động SXKD được miễn thuế VND	Hoạt động SXKD khác VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	265.149.946.914	265.149.946.914	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	79.965.000	79.965.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	265.069.981.914	265.069.981.914	-
4. Giá vốn hàng bán	11	227.886.161.776	227.886.161.776	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	37.183.820.138	37.183.820.138	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.792.660.523	-	4.792.660.523
7. Chi phí tài chính	22	711.176.444	-	711.176.444
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	378.986.306	-	378.986.306
8. Chi phí bán hàng	25	1.072.158.241	1.072.158.241	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.462.856.320	5.462.856.320	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	34.730.289.656	30.648.805.577	4.081.484.079
11. Thu nhập khác	31	12.118.015.661	-	12.118.015.661
12. Chi phí khác	32	11.930.205.186	198.901.836	11.731.303.350
13. Lợi nhuận khác	40	187.810.475	(198.901.836)	386.712.311
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	34.918.100.131	30.449.903.741	4.468.196.390

6.11 Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	33.984.680.483	52.833.046.128
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	33.984.680.483	52.833.046.128
Sổ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(4.248.085.060)	(6.604.130.766)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.291.868	5.291.868
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.619	8.736
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.619	8.736

(i) Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt mức trích lập các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2023 – 2024 là 12,5%, tương ứng với 6.604.130.766 đồng. Đại hội đồng Cổ đông cũng đã phê duyệt kế hoạch trích lập các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi với tỷ lệ 12,5% cho năm tài chính 2024 – 2025 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 733/2024/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 10/10/2024

6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	29.483.996.024	26.251.143.588
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	166.968.180.452	176.810.840.937
Chi phí công cụ dụng cụ	1.502.998.039	1.620.134.453
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.716.639.685	8.240.687.109
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác	5.940.230.195	5.918.460.435
Cộng	213.615.044.395	218.844.266.522

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thành viên quản lý	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT	283.075.356	263.205.755
Nông Văn Lạc	Thành Viên HĐQT	33.396.000	30.360.000
Ma Trung Lập	Phó Chủ tịch HĐQT	246.100.391	251.955.846
Nông Văn Sơn	Thành Viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	246.569.736	214.153.000
Mã Thị Quyết	Thành Viên HĐQT - Kế toán trưởng	232.141.266	203.080.008
Nông Thị Nậu	Phó TGD (đến ngày 01/5/2025)	183.541.428	188.864.538
Hoàng Thị Quyết	Trưởng BKS	196.006.297	176.821.400
Trương Minh Đức	Thành viên BKS	185.574.136	175.713.731
Đinh Bế Đình	Thành viên BKS	203.482.764	176.218.346
Cộng		1.809.887.374	1.680.372.625

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, xã Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt đã được nêu ở Phần 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm tài chính, Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

7.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



NÔNG VĂN THUYẾT
Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 15 tháng 09 năm 2025

MÃ THỊ QUYẾT
Kế toán trưởng

MÃ THỊ QUYẾT
Người lập biểu



))